

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển sinh Công an nhân dân hệ chính quy tuyển mới năm 2025**

Công an tỉnh An Giang thông báo tuyển sinh trình độ đại học, trung cấp Công an nhân dân hệ chính quy tuyển mới năm 2025 như sau:

**I. QUY ĐỊNH VỀ KHU VỰC TUYỂN SINH, PHÂN VÙNG TUYỂN SINH**

Quy định về phân vùng tuyển sinh của các trường CAND, gồm: Học viện An ninh nhân dân (T01), Học viện Cảnh sát nhân dân (T02), Học viện Chính trị Công an nhân dân (T03), Trường Đại học An ninh nhân dân (T04), Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (T05), Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (T06), Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an nhân dân (T07), Học viện Quốc tế (B06), Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I (T08), Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I (T09), Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II (T10), Trường Văn hóa (T11), cụ thể như sau:

**1. Khu vực tuyển sinh**

Tỉnh An Giang thuộc Vùng 7 gồm các tỉnh, thành phố đồng bằng Sông Cửu Long: Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

**2. Tuyển sinh đào tạo đại học**

- T03; T06; T07; B06; Ngành An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao của T01; ngành Công nghệ thông tin (hợp tác đào tạo với Đại học Bách khoa Hà Nội) của T01; Ngành Y khoa của T07 gửi đào tạo tại Học viện Quân y: Toàn quốc.

- T04; T05: Phía Nam.

**3. Tuyển sinh đào tạo trung cấp**

- T08: Toàn quốc.

- T10: Phía Nam.

**II. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**1. Phương thức tuyển sinh**

- *Phương thức 1:* Tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và quy định của Bộ Công an.

- *Phương thức 2:* Xét tuyển kết hợp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế với kết quả bài thi đánh giá của Bộ Công an.

- *Phương thức 3*: Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả bài thi đánh giá của Bộ Công an.

## **2. Đối tượng, điều kiện dự tuyển**

### *2.1. Đối tượng*

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ;
- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND có quyết định xuất ngũ trong vòng 12 tháng tính đến tháng dự tuyển;
- Học sinh T11;
- Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển.

### *2.2. Điều kiện dự tuyển chung*

Người dự tuyển ngoài đảm bảo các điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức theo quy định hiện hành của Bộ Công an;
- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an có thời gian công tác từ 15 tháng trở lên tính đến tháng thi tuyển; phân loại cán bộ đạt mức “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên trong năm liền trước với năm dự tuyển;
- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND trong thời gian tại ngũ, hàng năm đều đạt mức “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt mức “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”;
- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND, công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển, học sinh T11 trong những năm học THPT hoặc tương đương đạt học lực từ khá trở lên (theo kết luận học bạ);
- Thí sinh là chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ và thí sinh thuộc Đối tượng 01 đạt học lực từ đạt (trung bình) trở lên (theo kết luận học bạ);
- Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND, học sinh T11 từng môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào trường CAND trong những năm học THPT đạt từ 6,5 điểm trở lên; Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển từng môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào trường CAND trong những năm học THPT phải đạt từ 7,0 điểm trở lên, trường hợp là người dân tộc thiểu số từng môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào trường CAND trong những năm học THPT phải đạt từ 6,5 điểm trở lên (Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ, thí sinh thuộc Đối tượng 01 không áp dụng điều kiện này);
- Học sinh T11 và công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển trong những năm học THPT hoặc tương đương hạnh kiểm đạt loại khá trở lên, chưa kết hôn, chưa có con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật;
- Đối với thí sinh đăng ký dự tuyển ngành Y khoa có học lực lớp 12 xếp loại từ mức Tốt (loại Giỏi) trở lên;

- Tính đến năm dự tuyển, học sinh T11 và công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển không quá 22 tuổi, trường hợp là người dân tộc thiểu số không quá 25 tuổi;

- Đủ sức khỏe tuyển vào Công an nhân dân theo quy định tại Thông tư số 62/2023/TT-BCA ngày 14/11/2023 của Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn sức khỏe đặc thù và khám sức khỏe đối với lực lượng CAND (*trừ điều kiện sức khỏe “viêm ruột thừa đã mổ, kết quả tốt” và “thoát vị bẹn đã phẫu thuật tốt, ổn định trên 01 năm”*). Trong đó:

+ Chiều cao:

\* Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ chiều cao áp dụng theo tiêu chuẩn chiều cao tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân tại thời điểm tuyển chọn.

\* Thí sinh dự tuyển chiều cao đạt từ 1m64 đến 1m95 đối với nam, đạt từ 1m58 đến 1m80 đối với nữ, trường hợp là người dân tộc thiểu số chiều cao đạt từ 1m62 đến 1m95 đối với nam, đạt từ 1m56 đến 1m80 đối với nữ. Riêng, thí sinh thuộc Đối tượng 01, chiều cao đạt từ 1m60 đến 1m95 đối với nam, đạt từ 1m55 đến 1m80 đối với nữ.

+ Chỉ số khối cơ thể (BMI) được tính bằng trọng lượng (đơn vị tính: ki-lô-gam) chia cho bình phương chiều cao (đơn vị tính: mét) *đạt từ 18,5 đến 30*;

+ Thị lực không kính mỗi mắt đạt 09-10/10, tổng thị lực 02 mắt đạt 18/10 trở lên. Nếu mắt bị tật khúc xạ: cận thị, viễn thị thì mỗi mắt không quá 03 đi-ốp; nếu loạn thị thì loạn thị sinh lý hoặc mỗi mắt dưới 01 đi-ốp; kiểm tra thị lực một mắt qua kính tối thiểu đạt 09/10, tổng thị lực hai mắt qua kính đạt từ 19/10 trở lên (phải cam kết đảm bảo tiêu chuẩn thị lực theo quy định nếu trúng tuyển).

### 2.3. Điều kiện dự tuyển đối với thí sinh đăng ký dự tuyển theo từng phương thức

Ngoài đảm bảo các điều kiện dự tuyển chung, thí sinh đăng ký dự tuyển theo từng phương thức phải đáp ứng các điều kiện sau:

#### 2.3.1. Đối với thí sinh dự tuyển theo Phương thức 1

- Đối tượng: thí sinh đạt giải thưởng theo quy định của Bộ GD&ĐT và thời gian đoạt giải không quá 03 (ba) năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

- Về giải đoạt được:

+ Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi khoa học, kỹ thuật quốc tế hoặc thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, khu vực theo quy định của Bộ GD&ĐT được xét tuyển thẳng một trong các trường CAND theo nguyện vọng của thí sinh.

+ Thí sinh đoạt giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia bậc THPT môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh được xét tuyển thẳng vào một trong các trường T01, T02, T04, T05.

+ Thí sinh đoạt giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia bậc THPT môn Toán, Vật lý, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh được xét tuyển thẳng vào T03.

+ Thí sinh đoạt giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia bậc THPT môn Tiếng Anh được xét tuyển thẳng vào ngành Ngôn ngữ Anh của B06.

+ Thí sinh đoạt giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia bậc THPT môn tiếng Trung Quốc được xét tuyển thẳng vào ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của B06.

+ Thí sinh đoạt giải nhất cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia bậc THPT được xét tuyển thẳng vào T06, T07; ngành Y khoa gửi đào tại Học viện Quân y - Bộ Quốc phòng của T07; ngành Công nghệ thông tin, ngành An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao của T01.

- Tốt nghiệp THPT đến thời điểm xác nhận nhập học.

### 2.3.2. Đối với thí sinh dự tuyển theo Phương thức 2

- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế không quá 02 năm kể từ ngày được cấp chứng chỉ đến ngày **01/04/2025**, chứng chỉ do tổ chức được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cấp chứng chỉ của một trong các chứng chỉ sau: tiếng Anh IELTS (Academic) đạt từ 5.5 trở lên, TOEFL iBT đạt từ 46 trở lên, TOEIC (LR&SW) đạt từ 600 và 242 trở lên, CEFR đạt từ B2 trở lên, SAT đạt từ 1100 trở lên; tiếng Trung Quốc đạt từ HSK 4 trở lên; tiếng Tây Ban Nha đạt từ DELE B2 trở lên; tiếng Pháp đạt từ DALF/DALF B2 trở lên; tiếng Nga đạt từ TRKI (TORFL) B2 trở lên; tiếng Đức đạt từ Goethe-Zertifikat/TEL B2 trở lên; tiếng Nhật đạt từ JLPT N3 trở lên; tiếng Hàn Quốc đạt từ TOPIK 4 trở lên; tiếng Ý đạt từ CELI 3 trở lên; ngành Ngôn ngữ Anh của B06 chỉ tiếp nhận thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của B06 chỉ tiếp nhận thí sinh có chứng chỉ tiếng Trung Quốc. Không sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ phiên bản Home Edition.

Đối với các thí sinh có dự định thi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong thời gian sơ tuyển thì vẫn cho đăng ký nhưng ngày thi chính thức phải trước ngày **30/5/2025**. Hoàn thành và nộp chứng chỉ ngoại ngữ tại các trường CAND trước ngày **15/6/2025**.

- Xếp loại học lực năm lớp 10, 11, 12 đạt loại khá trở lên. Trong đó, điểm trung bình chung môn ngoại ngữ các năm học THPT đạt từ 7.0 điểm trở lên.

Đối với thí sinh đang học lớp 12 vẫn cho đăng ký sơ tuyển, sau khi có điểm tổng kết năm lớp 12, căn cứ quy định để xác định đạt điều kiện hay không.

- Tốt nghiệp THPT đến thời điểm xác nhận nhập học.

### 2.3.3. Đối với thí sinh dự tuyển theo Phương thức 3

- Đối với thí sinh học THPT có môn ngoại ngữ là ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh (đăng ký các ngành sử dụng môn tiếng Anh để xét tuyển) hoặc tiếng Trung Quốc (đăng ký các ngành sử dụng môn Tiếng Trung Quốc để xét tuyển) nếu có nguyện vọng dự tuyển được sử dụng điểm của môn đó để sơ tuyển.

Đối với thí sinh đang học lớp 12 vẫn cho đăng ký sơ tuyển, sau khi có điểm tổng kết năm lớp 12, căn cứ quy định để xác định thí sinh đạt điều kiện hay không.

- Tốt nghiệp THPT đến thời điểm xác nhận nhập học.

## 3. Tổ chức sơ tuyển

- Căn cứ kết quả sơ tuyển về hạnh kiểm, học lực, sức khỏe, thẩm tra, xác minh về tiêu chuẩn chính trị trước khi xét tuyển và các điều kiện khác để duyệt danh sách chứng nhận thí sinh đủ hoặc không đủ điều kiện dự tuyển (đơn vị quản lý chiến sĩ nghĩa vụ chịu trách nhiệm thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị của thí sinh). Công an các đơn vị: PC07, PC10, PC11, PK02 và Công an các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thông báo cho thí sinh về điều kiện dự tuyển, đảm bảo quyền lợi dự tuyển của thí sinh.

- Tiêu chuẩn kiểm tra khả năng vận động:

Thí sinh được lựa chọn 02 nội dung để kiểm tra trong số các nội dung rèn luyện thể lực theo giới tính nam, nữ (đối với Nam: chạy 100m, chạy 1500m, bật xa tại chỗ, co tay xà đơn; đối với Nữ: chạy 100m, chạy 800m, bật xa tại chỗ). Chỉ tính đạt hoặc không đạt. Cụ thể:

| TT | Thứ tự các nội dung kiểm tra |                |
|----|------------------------------|----------------|
|    | Nam                          | Nữ             |
| 1  | Bật xa tại chỗ               | Bật xa tại chỗ |
| 2  | Co tay xà đơn                | Chạy 100m      |
| 3  | Chạy 100m                    | Chạy 800m      |
| 4  | Chạy 1500m                   |                |

+ **Bật xa tại chỗ:** Thành tích bật xa của thí sinh được xác định từ ván dậm bật đến vị trí tiêu đánh dấu điểm chạm gần nhất (đơn vị tính: Mét), cụ thể:

| TT | Thành tích (mét) |       | Xếp loại  |
|----|------------------|-------|-----------|
|    | Nam              | Nữ    |           |
| 1  | < 2,2            | < 1,5 | Không đạt |
| 2  | ≥ 2,2            | ≥ 1,5 | Đạt       |

+ **Chạy 100m:** Thành tích được tính từ lúc có hiệu lệnh “Chạy” đến khi hoàn thành cự ly; Thành tích chạy được xác định là giây, cụ thể:

| TT | Thành tích (giây) |          | Xếp loại  |
|----|-------------------|----------|-----------|
|    | Nam               | Nữ       |           |
| 1  | > 16''00          | > 20''00 | Không đạt |
| 2  | ≤ 16''00          | ≤ 20''00 | Đạt       |

+ **Chạy 800m đối với nữ:** Thành tích chạy được xác định là phút, giây, cụ thể:

| TT | Thành tích (phút, giây) | Xếp loại  |
|----|-------------------------|-----------|
|    | Nữ                      |           |
| 1  | > 5'30''                | Không đạt |
| 2  | ≤ 5'30''                | Đạt       |

+ **Chạy 1500m đối với nam:** Thành tích chạy được xác định là phút, giây, cụ thể:

| <i>TT</i> | <i>Thành tích (phút, giây)</i> | <i>Xếp loại</i>  |
|-----------|--------------------------------|------------------|
|           | <i>Nam</i>                     |                  |
| 1         | $> 7'30''$                     | <i>Không đạt</i> |
| 2         | $\leq 7'30''$                  | <i>Đạt</i>       |

+ **Co tay xà đơn:** Thí sinh có thể sử dụng kỹ thuật lặn người hoặc giữ người thẳng đứng, số lần co xà được xác định khi hoàn thành động tác kéo thân mình lên ở vị trí cầm cao hơn thanh xà và hạ thân xuống đến khi tay duỗi ra toàn bộ, cụ thể:

| <i>TT</i> | <i>Thành tích (lần)</i> | <i>Xếp loại</i>  |
|-----------|-------------------------|------------------|
|           | <i>Nam</i>              |                  |
| 1         | $< 12$                  | <i>Không đạt</i> |
| 2         | $\geq 12$               | <i>Đạt</i>       |

Trường hợp thí sinh có liên quan đến yếu tố dịch bệnh không thể tham gia kiểm tra theo kế hoạch thì sắp xếp 1 buổi kiểm tra riêng. Việc kiểm tra phải hoàn thành trước khi các trường Công an nhân dân tổ chức tiếp nhận hồ sơ, chuẩn bị tổ chức kỳ thi đánh giá.

#### 4. Kỳ thi đánh giá của Bộ Công an

Bài thi đánh giá của Bộ Công an gồm 04 (bốn) mã bài thi, cụ thể:

| <i>TT</i> | <i>Mã bài thi</i> | <i>Phần tự luận bắt buộc</i> | <i>Phần trắc nghiệm</i>         |                            |
|-----------|-------------------|------------------------------|---------------------------------|----------------------------|
|           |                   |                              | <i>Trắc nghiệm bắt buộc</i>     | <i>Trắc nghiệm tự chọn</i> |
| 1         | <b>CA1</b>        | Ngữ văn                      | Toán học, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh | Vật lí                     |
| 2         | <b>CA2</b>        | Ngữ văn                      | Toán học, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh | Hóa học                    |
| 3         | <b>CA3</b>        | Ngữ văn                      | Toán học, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh | Sinh học                   |
| 4         | <b>CA4</b>        | Ngữ văn                      | Toán học, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh | Địa lí                     |

- Thời gian làm bài thi: Tổng thời gian làm bài thi là 180 phút.

- Hình thức thi: Thi viết.

- Thí sinh chọn 01 trong 04 mã bài thi để dự thi, nộp lệ phí thi 180.000đ.

- Đối với thí sinh khu vực phía Nam đăng ký dự tuyển các trường CAND phía Bắc (tuyển sinh trong toàn quốc), địa điểm thi tại phía Nam. Các trường CAND phía Bắc chủ trì tổ chức thi, T04, T05 và T10 hỗ trợ nhân lực, địa điểm tổ chức thi tại phía Nam.

- Việc công bố điểm thi, điểm phúc khảo bài thi của Bộ Công an phải được hoàn thành đảm bảo thời gian thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển chính thức theo lịch của Bộ GD&ĐT.

## **5. Tổ chức xét tuyển**

### *5.1. Xét tuyển đối với thí sinh xét tuyển theo Phương thức 1*

- Tổ chức xét tuyển sau khi Công an các đơn vị, địa phương hoàn thành nộp hồ sơ dự tuyển và theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Căn cứ chỉ tiêu được giao, số lượng hồ sơ xét tuyển nộp về, các trường CAND tổ chức xét tuyển thẳng. Trường hợp nếu lấy hết sẽ vượt chỉ tiêu phân bổ thì xét trúng tuyển theo thứ tự như sau:

+ Thứ nhất, xét thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, khu vực; trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế;

+ Thứ hai, xét lần lượt thí sinh đoạt giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia bậc THPT hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia bậc THPT;

+ Thứ ba, xét thí sinh có điểm tổng kết của môn đoạt giải (môn Toán với cuộc thi khoa học kỹ thuật) năm học THPT từ cao xuống thấp.

- Trường hợp giải được xác định theo loại huy chương vàng, bạc, đồng thì huy chương vàng được xác định tương đương giải nhất, huy chương bạc tương đương giải nhì, huy chương đồng tương đương giải ba.

- Trường hợp tuyển không đủ chỉ tiêu thì chỉ tiêu chưa tuyển đủ sẽ được chuyển sang chỉ tiêu xét tuyển theo Phương thức 2, Phương thức 3.

- Thí sinh dự tuyển Phương thức 1 được tham gia xét tuyển theo Phương thức 2 hoặc Phương thức 3 (nếu nộp đủ hồ sơ và đảm bảo điều kiện theo quy định).

### *5.2. Xét tuyển đối với thí sinh xét tuyển theo Phương thức 2*

- Điều kiện xét tuyển: Thí sinh đã đạt điều kiện sơ tuyển, nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển về các trường CAND, tham gia bài thi đánh giá của Bộ Công an năm 2025, đăng ký nguyện vọng xét tuyển chính thức vào các trường CAND là nguyện vọng 1, đảm bảo phân vùng tuyển sinh, đảm bảo ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Bộ Công an.

- Dữ liệu xét tuyển được lấy từ các nguồn sau:

+ Thông tin nhận từ công thông tin tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, gồm: mã trường, mã ngành (sau khi đã được kiểm tra, đối chiếu theo quy định).

+ Kết quả bài thi đánh giá tuyển sinh của Bộ Công an;

+ Khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên, điểm học bạ THPT, điểm thưởng của thí sinh lấy theo dữ liệu của Bộ Công an (sau khi đã được Công an các đơn vị, địa phương và các trường CAND kiểm dò).

+ Dữ liệu về chứng chỉ ngoại ngữ trong hồ sơ dự tuyển của thí sinh (sau khi và đã được Công an các đơn vị, địa phương và các trường CAND kiểm dò).

- Điểm xét tuyển là tổng điểm Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và điểm bài thi đánh giá tuyển sinh của Bộ Công an được quy về thang điểm 30 làm tròn đến 02 chữ số thập phân cộng với điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng theo quy chế của Bộ GD&ĐT, điểm thưởng theo quy định của Bộ Công an.

### 5.3. Xét tuyển đối với thí sinh xét tuyển theo Phương thức 3

- Điều kiện xét tuyển: Thí sinh đã đạt điều kiện sơ tuyển, nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển về các trường CAND, tham gia bài thi đánh giá của Bộ Công an năm 2025, đăng ký nguyện vọng xét tuyển chính thức vào các trường CAND là nguyện vọng 1, đảm bảo điều kiện dự tuyển theo tổ hợp đăng ký, phân vùng tuyển sinh, đảm bảo ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Bộ Công an.

- Dữ liệu xét tuyển được lấy từ các nguồn sau:

+ Thông tin nhận từ Cổng thông tin tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, gồm: mã trường, mã ngành (sau khi đã được kiểm tra, đối chiếu theo quy định), điểm thi từng môn;

+ Kết quả bài thi đánh giá tuyển sinh của Bộ Công an;

+ Khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên, điểm học bạ THPT, điểm thưởng của thí sinh lấy theo dữ liệu của Bộ Công an (sau khi đã được Công an các đơn vị, địa phương và các trường CAND kiểm dò).

**- Điểm xét tuyển là tổng điểm của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào trường CAND (chiếm tỷ lệ 40%) và điểm bài thi đánh giá tuyển sinh của Bộ Công an được quy về thang điểm 30 (chiếm tỷ lệ 60%) làm tròn đến 02 chữ số thập phân cộng với điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng theo quy chế của Bộ GD&ĐT, điểm thưởng theo quy định của Bộ Công an.**

Công thức tính như sau:

$$\text{ĐXT} = (\text{M1} + \text{M2} + \text{M3}) * 2/5 + \text{BTBCA} * 3/5 + \text{ĐC}, \text{ trong đó:}$$

+ ĐXT: điểm xét tuyển

+ M1, M2, M3: điểm 03 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển vào trường CAND

+ BTBCA: điểm bài thi đánh giá của Bộ Công an

+ ĐC: điểm cộng

### 5.4. Xác định chỉ tiêu theo từng mã bài thi

- Xác định chỉ tiêu trúng tuyển: Chỉ tiêu trúng tuyển cho từng vùng, từng nhóm ngành, từng ngành, từng đối tượng, từng mã bài thi CA1, CA2, CA3, CA4 (nếu có) được xác định trước khi xây dựng phương án điểm trúng tuyển. Trên cơ sở dữ liệu đăng ký nguyện vọng 1 trên cổng thông tin tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, sau khi trừ đi số thí sinh đã trúng tuyển theo Phương thức 1 trong danh sách đăng ký xét tuyển; căn cứ tổng thí sinh đăng ký theo mã bài thi CA1, CA2, CA3, CA4 (thí sinh đăng ký dự tuyển cả hai Phương thức 2 và Phương thức

3, thì được tính một lần) và tổng số thí sinh đảm bảo ngưỡng đầu vào theo quy định để xác định chỉ tiêu theo tỉ lệ phần trăm thí sinh dự tuyển từng mã bài thi CA1, CA2, CA3, CA4.

- Trường hợp chỉ tiêu trúng tuyển cho từng mã bài thi không tròn thì lấy theo phần số nguyên trước. Trường hợp một mã bài thi có chỉ tiêu lớn hơn 0 và nhỏ hơn hoặc bằng 01 thì xác định chỉ tiêu cho mã bài thi là 01. Sau đó căn cứ vào tỉ lệ phần dư còn lại để phân phối lần lượt cho từng mã bài thi theo tỉ lệ từ cao xuống thấp đảm bảo đủ chỉ tiêu được giao. Trường hợp phần nguyên đều không đủ 01 chỉ tiêu đều được làm tròn lên 01 dẫn đến vượt chỉ tiêu thì xác định chỉ tiêu theo phần thập phân từ cao xuống thấp để lần lượt làm tròn cho đến hết chỉ tiêu.

- Đối với chỉ tiêu nhỏ hơn 4, căn cứ vào tỉ lệ phần trăm để phân phối 01 chỉ tiêu lần lượt cho từng mã bài thi theo tỉ lệ từ cao xuống thấp đảm bảo đủ chỉ tiêu được giao.

#### 5.5. Tiêu chí phụ trong xét tuyển

Trong trường hợp số lượng thí sinh cùng một mức điểm xét tuyển, nếu lấy hết sẽ vượt chỉ tiêu phân bổ thì xét trúng tuyển theo thứ tự như sau:

+ Thứ nhất, lấy thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, điểm xét trong từng chứng chỉ tương đương lần lượt từ cao đến thấp;

+ Thứ hai, xét thí sinh có điểm bài thi đánh giá của Bộ Công an từ cao xuống thấp;

+ Thứ ba, xét thí sinh có điểm Phần thi tự luận, bài thi đánh giá của Bộ Công an từ cao xuống thấp đến đủ chỉ tiêu.

#### 5.6. Xét tuyển bổ sung

Trong trường hợp không xét tuyển đủ chỉ tiêu được giao, thí sinh trúng tuyển nhưng không xác nhận nhập học hoặc khi nhập học thí sinh không đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn thì các trường CAND sẽ xét tuyển bổ sung.

#### 5.7. Ưu tiên trong tuyển sinh

- Các đối tượng ưu tiên thực hiện theo quy định về chính sách ưu tiên trong tuyển sinh tại Điều 7 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non. Trong đó, điểm ưu tiên khu vực chỉ áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp THPT trong năm 2025 hoặc năm 2024 (**các thí sinh tốt nghiệp THPT các năm từ 2023 trở về trước không được cộng điểm ưu tiên khu vực**).

- Điểm thưởng theo quy định của Bộ Công an: Cộng điểm ưu tiên đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế tương ứng với môn đoạt giải, lĩnh vực đoạt giải để xét tuyển thẳng vào các trường CAND được xác định tại Phương thức 1. Trong đó: giải nhất (*hoặc thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi khoa học, kỹ thuật quốc tế hoặc thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, khu vực*) được cộng 1.0 điểm; giải nhì được cộng 0,75

điểm; giải ba được cộng 0,5 điểm; giải khuyến khích được cộng 0,25 điểm. Thí sinh đoạt nhiều giải chỉ được cộng điểm thưởng một giải cao nhất.

- Điểm cộng của thí sinh được xác định là tổng điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng và điểm thưởng quy định của Bộ Công an, theo công thức:  $ĐC = ĐT + KV + Đth$ . Trong đó  $ĐC$  là điểm cộng,  $ĐT$  là điểm ưu tiên đối tượng,  $KV$  là điểm ưu tiên khu vực,  $Đth$  là điểm thưởng. Trường hợp thí sinh đạt tổng điểm của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào trường CAND (chiếm tỷ lệ 40%) và điểm bài thi đánh giá tuyển sinh của Bộ Công an được quy về thang điểm 30 (chiếm tỷ lệ 60%) làm tròn đến 02 chữ số thập phân từ 22,5 điểm trở lên, thì điểm cộng của thí sinh được xác định như sau:

$$ĐC = [(30 - \text{tổng điểm đạt được})/7,5] \times (ĐT + KV + Đth).$$

## 6. Tổ hợp môn và Học viện, Trường Công an đăng ký xét tuyển

### \* Tổ hợp môn xét tuyển

| TT | Mã tổ hợp | Môn                                |
|----|-----------|------------------------------------|
| 1  | A00       | Toán, Vật lý, Hóa học              |
| 2  | A01       | Toán, Vật lý, Ngôn ngữ Anh         |
| 3  | B00       | Toán, Hóa học, Sinh học            |
| 4  | B08       | Toán, Sinh học, Ngôn ngữ Anh       |
| 5  | C00       | Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý           |
| 6  | C03       | Toán, Ngữ văn, Lịch sử             |
| 7  | D01       | Toán, Ngữ văn, Ngôn ngữ Anh        |
| 8  | D04       | Toán, Ngữ Văn, Ngôn ngữ Trung Quốc |
| 9  | D07       | Toán, Hóa học, Ngôn ngữ Anh        |
| 10 | D09       | Toán, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh        |
| 11 | D10       | Toán, Địa lí, Ngôn ngữ Anh         |
| 12 | K01       | Toán, Ngôn ngữ Anh, Tin học        |
| 13 | K20       | Toán, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ      |
| 14 | K21       | Toán, Ngữ Văn, Tin học             |
| 15 | K22       | Toán, Ngữ Văn, Công nghệ           |

### \* Học viện, Trường Công an đăng ký xét tuyển

| TT  | Tên trường/ngành đào tạo/<br>Địa bàn tuyển sinh                                                                                  | Ký hiệu trường | Ký hiệu ngành | Tổng chỉ tiêu | Chỉ tiêu theo Phương thức 1 |    | Chỉ tiêu theo Phương thức 2, 3 |    | Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3 | Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|---------------|-----------------------------|----|--------------------------------|----|-------------------------------------|---------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                  |                |               |               | Nam                         | Nữ | Nam                            | Nữ |                                     |                                                         |
| 1   | Học viện An ninh nhân dân (T01)                                                                                                  | ANH            |               | 175           |                             |    |                                |    |                                     |                                                         |
| 1.1 | Ngành An ninh mạng và phòng, chống tội phạm công nghệ cao (50/150 chỉ tiêu nam gửi đào tạo nước ngoài ngành Công nghệ thông tin) |                | 7860114       | 75            |                             |    |                                |    | A00, A01, K01, K20                  | CA1, CA2                                                |
|     | - Phía Nam                                                                                                                       |                |               | 75            | 6                           | 1  | 62                             | 6  |                                     |                                                         |
| 1.2 | Ngành Công nghệ thông tin (hợp tác với Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông, Đại học Bách khoa Hà Nội)             |                | 7480201       | 100           | 10                          |    | 90                             |    | A00, A01, K01, K20                  | CA1, CA2                                                |

| TT  | Tên trường/ngành đào tạo/<br>Địa bàn tuyển sinh | Ký hiệu trường | Ký hiệu ngành | Tổng chỉ tiêu | Chỉ tiêu theo Phương thức 1 |    | Chỉ tiêu theo Phương thức 2, 3 |    | Tổ hợp xét tuyển theo Phương thức 3 | Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển |
|-----|-------------------------------------------------|----------------|---------------|---------------|-----------------------------|----|--------------------------------|----|-------------------------------------|---------------------------------------------------------|
|     |                                                 |                |               |               | Nam                         | Nữ | Nam                            | Nữ |                                     |                                                         |
| 2   | Học viện Chính trị Công an nhân dân (T03)       | HCA            |               | 50            |                             |    |                                |    | A01, C00, C03, D01, K21, K22        | CA1, CA4                                                |
|     | <i>Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước</i>    |                | 7310202       | 50            |                             |    |                                |    |                                     |                                                         |
|     | - Phía Nam                                      |                |               | 50            | 4                           | 1  | 41                             | 4  |                                     |                                                         |
| 3   | Trường Đại học An ninh nhân dân (T04)           | ANS            |               | 75            |                             |    |                                |    | A00, A01, C03, D01, K21, K22        | CA1, CA2, CA3, CA4                                      |
|     | <i>Nhóm ngành nghiệp vụ An ninh</i>             |                | 7860100       | 75            |                             |    |                                |    |                                     |                                                         |
|     | - Vùng 7                                        |                |               | 75            | 6                           | 1  | 62                             | 6  |                                     |                                                         |
| 4   | Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (T05)          | CSS            |               | 130           |                             |    |                                |    | A00, A01, C03, D01, K21, K22        | CA1, CA2, CA3, CA4                                      |
|     | <i>Nhóm ngành nghiệp vụ Cảnh sát</i>            |                | 7860100       | 130           |                             |    |                                |    |                                     |                                                         |
|     | - Vùng 7                                        |                |               | 130           | 12                          | 1  | 105                            | 12 |                                     |                                                         |
| 5   | Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (T06)       | PCH            |               | 100           |                             |    |                                |    | A00, A01, D01, D07                  | CA1, CA2                                                |
|     | <i>Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ</i>  |                | 7860113       | 100           |                             |    |                                |    |                                     |                                                         |
|     | - Phía Nam                                      |                |               | 100           | 9                           | 1  | 81                             | 9  |                                     |                                                         |
| 6   | Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND (T07)    | HCB            |               | 100           |                             |    |                                |    | A00, A01, D01, K01, K20             | CA1, CA2                                                |
|     | <i>Nhóm ngành Kỹ thuật - Hậu cần</i>            |                | 7480200       | 100           |                             |    |                                |    |                                     |                                                         |
| 6.1 | - Phía Nam                                      |                |               | 100           | 9                           | 1  | 81                             | 9  |                                     |                                                         |
| 6.2 | <i>Y khoa (gửi đào tạo tại Học viện Quân y)</i> |                | 7720101       | 50            | 4                           | 1  | 41                             | 4  | A00, A01, B00, B08, D07             | CA1, CA2, CA3                                           |
| 7   | Học viện Quốc tế (B06)                          | AIS            |               | 50            |                             |    |                                |    |                                     |                                                         |
| 7.1 | - Ngôn ngữ Anh                                  |                | 7220201       | 30            | 2                           | 1  | 13                             | 14 | A01, D01, D04, D09, D10             | CA1, CA2, CA3, CA4                                      |
| 7.2 | - Ngôn ngữ Trung quốc                           |                | 7220204       | 20            | 1                           | 1  | 9                              | 9  | A01, D01, D04, D09, D10             | CA1, CA2, CA3, CA4                                      |

### III. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

#### 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển Phương thức 1 (xét tuyển thẳng)

- Đối tượng và thứ tự ưu tiên xét tuyển:

+ Thí sinh là con đẻ của liệt sỹ CAND;

+ Thí sinh là con đẻ của thương binh CAND (tỉ lệ thương tật từ 81% trở lên);

+ Thí sinh là con đẻ của Anh hùng lực lượng vũ trang trong CAND; thí sinh là con đẻ của Anh hùng Lao động trong CAND;

+ Thí sinh là con đẻ của công dân được công nhận là liệt sỹ hy sinh trong trường hợp trực tiếp tham gia đấu tranh chống lại hoặc ngăn chặn các hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc các tội được quy định trong Bộ luật Hình sự, dũng cảm thực hiện công việc cấp bách, nguy hiểm phục vụ an ninh;

+ Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi khoa học, kỹ thuật quốc tế hoặc thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, khu vực theo quy định của Bộ GD&ĐT.

+ Thí sinh đoạt giải ba trở lên trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia (ưu tiên xét tuyển giải từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu, trong trường hợp vẫn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh là con đẻ của cán bộ Công an).

- Điều kiện:

+ Đảm bảo các tiêu chuẩn tuyển sinh theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 50.

+ Có văn bản đề nghị (kèm hồ sơ minh chứng), tờ khai và phiếu đăng ký dự tuyển trung cấp theo mẫu quy định của Bộ Công an.

+ Tốt nghiệp THPT đến thời điểm xác nhận nhập học.

## 2. Đối tượng, điều kiện dự tuyển Phương thức 2 (xét tuyển)

- Đối tượng dự tuyển:

+ Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ;

+ Công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND có quyết định xuất ngũ trong vòng 12 tháng tính đến tháng dự tuyển;

+ Học sinh T11;

+ Công dân thường trú tại địa phương nơi đăng ký sơ tuyển.

- Điều kiện dự tuyển:

+ Đảm bảo các tiêu chuẩn tuyển sinh theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 50;

+ Tham dự tốt nghiệp THPT và tham dự kỳ thi đánh giá của Bộ Công an năm 2025. Đối với chiến sĩ nghĩa vụ tại ngũ, học sinh T11 không đủ điều kiện đăng ký dự tuyển đại học hoặc chỉ có nguyện vọng đăng ký xét tuyển trung cấp thì được phép nộp hồ sơ vào một trường CAND theo đúng phân vùng tuyển sinh để dự thi Bài thi đánh giá của Bộ Công an năm 2025;

+ Đảm bảo ngưỡng đầu vào trình độ trung cấp theo quy định;

+ Có hồ sơ đăng ký dự tuyển trung cấp;

+ Tốt nghiệp THPT đến thời điểm xác nhận nhập học.

## 3. Chỉ tiêu

| TT | Tên trường/ngành đào tạo/<br>Địa bàn tuyển sinh | Ký hiệu trường | Tổng chỉ tiêu | Chỉ tiêu tuyển thẳng |    | Chỉ tiêu xét tuyển |    | Tổ hợp xét tuyển                                                          | Mã bài thi đánh giá của Bộ Công an sử dụng để xét tuyển |
|----|-------------------------------------------------|----------------|---------------|----------------------|----|--------------------|----|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
|    |                                                 |                |               | Nam                  | Nữ | Nam                | Nữ |                                                                           |                                                         |
| 1  | Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I (T08)        | ANN            | 70            |                      |    |                    |    | A00, A01, B00, B08, C00, C03, D01, D04, D07, D09, D10, K01, K20, K21, K22 | CA1, CA2, CA3, CA4                                      |

|   |                                                   |     |            |   |   |    |   |                                                                           |                    |
|---|---------------------------------------------------|-----|------------|---|---|----|---|---------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|   | - Toàn quốc                                       |     | 70         | 5 | 2 | 55 | 8 |                                                                           |                    |
| 2 | <b>Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II (T10)</b> | CS2 | <b>100</b> |   |   |    |   | A00, A01, B00, B08, C00, C03, D01, D04, D07, D09, D10, K01, K20, K21, K22 | CA1, CA2, CA3, CA4 |
|   | - Phía Nam                                        |     | 100        | 8 | 2 | 82 | 8 |                                                                           |                    |

#### 4. Quy trình tổ chức xét tuyển, nhập học

Thực hiện tương tự như xét tuyển Phương thức 3 tuyển sinh tuyển mới đại học chính quy (không phân chỉ tiêu theo mã bài thi của Bộ Công an). Trường hợp chỉ tiêu xét tuyển thẳng không thực hiện hết thì chuyển chỉ tiêu sang xét tuyển theo từng đối tượng nam, nữ. Riêng, điểm ưu tiên khu vực, đối tượng thực hiện theo quy chế của Bộ LĐT&XH.

#### 5. Ưu tiên trong tuyển sinh

- Điểm ưu tiên đối tượng, điểm ưu tiên khu vực thực hiện quy chế Bộ LĐT&XH.

- Điểm thưởng theo quy định của Bộ Công an:

+ Cộng điểm ưu tiên đối với thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế tương ứng với môn đoạt giải, lĩnh vực đoạt giải để xét tuyển thẳng vào các trường CAND. Trong đó: giải nhất (huy chương vàng) được cộng 1.0 điểm; giải nhì (huy chương bạc) được cộng 0.75 điểm; giải ba (huy chương đồng) được cộng 0.5 điểm; giải khuyến khích được cộng 0.25 điểm. Thí sinh đoạt nhiều giải chỉ được cộng điểm thưởng một giải cao nhất.

+ Cộng 1.0 điểm đối với thí sinh là con đẻ của cán bộ Công an đang công tác hoặc đã nghỉ hưu, con đẻ của nhân viên hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong CAND; con đẻ của cán bộ đã nghỉ mất sức hoặc chuyển ngành xuất ngũ hoặc đã từ trần có thời gian công tác liên tục trong lực lượng Công an từ 15 năm trở lên tính đến tháng xét tuyển. Cộng 0.5 điểm đối với thí sinh là con đẻ của Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã bán chuyên trách, có thời gian công tác trong lực lượng Công an xã từ đủ 15 năm trở lên tính đến tháng xét tuyển. Trường hợp thí sinh có bố hoặc mẹ đã bị xử lý hình sự, buộc thôi việc hoặc tước danh hiệu CAND thì thí sinh không được hưởng ưu tiên theo người đó.

+ Thí sinh thuộc nhiều diện ưu tiên thì được hưởng diện ưu tiên cao nhất.

### IV. THỦ TỤC, LỆ PHÍ, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐĂNG KÝ

#### 1. Đăng ký sơ tuyển

##### 1.1. Đăng ký sơ tuyển, lệ phí sơ tuyển

- Chiến sĩ nghĩa vụ Công an tại ngũ đăng ký dự tuyển tại đơn vị công tác.

- Học sinh phổ thông (gồm cả học sinh đã tốt nghiệp các năm trước), công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân hoặc nghĩa vụ quân sự đăng ký sơ tuyển tại Công an cấp xã nơi đăng ký thường trú;

- Thí sinh không được đăng ký sơ tuyển tại nhiều Ban tuyển sinh thuộc Bộ Công an.

- Lệ phí sơ tuyển: Thí sinh nộp 120.000đ để phục vụ công tác sơ tuyển (ngoài lệ phí khám sức khỏe).

### 1.2. Thủ tục đăng ký sơ tuyển

- Người đăng ký sơ tuyển phải trực tiếp đến đăng ký và mang theo bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính học bạ, giấy khai sinh kèm theo Căn cước công dân/Căn cước, đơn xin dự tuyển (theo mẫu). Đối với công dân hoàn thành nghĩa vụ Công an nhân dân hoặc nghĩa vụ quân sự ngoài các giấy tờ trên, mang thêm quyết định xuất ngũ;

- Công an cấp xã đối chiếu người đến đăng ký sơ tuyển với ảnh trong Căn cước công dân/Căn cước và các giấy tờ khác; kiểm tra chiều cao, cân nặng, học lực, hạnh kiểm, nơi trường trú và chỉ tiếp nhận cho đăng ký sơ tuyển đối với các trường hợp đủ điều kiện theo quy định, cho thí sinh đăng ký 02 nội dung kiểm tra khả năng vận động trong các nội dung vận động theo giới tính nam, nữ (đối với Nam: chạy 100m, chạy 1500m, bật xa tại chỗ, co tay xà đơn; đối với Nữ: chạy 100m, chạy 800m, bật xa tại chỗ).

### 2. Thời gian và địa điểm đăng ký

- Thời gian: Kể từ ngày thông báo đến hết ngày **18/4/2025**.

- Địa điểm: Công an xã, phường, thị trấn nơi công dân đăng ký thường trú; tại đơn vị đang công tác đối với chiến sĩ đang thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ với Công an các xã, phường, thị trấn hoặc Đội Tổ chức, biên chế và đào tạo thuộc Phòng Tổ chức cán bộ - Công an tỉnh An Giang (*Địa chỉ: Số 01 Lê Trọng Tấn, Phường Mỹ Phước, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang; Số điện thoại: 069.3640361*) để được hướng dẫn thêm./.

#### Nơi nhận:

- Ban Giám đốc CAT;
- Sở Giáo dục và ĐT An Giang;
- Báo An Giang;
- Đài PTTH An Giang;
- Lãnh đạo Công an các đơn vị;
- Lãnh đạo Công an xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, PX01, H(188b).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

*(Đã ký)*

**Đại tá Lê Phú Thạnh**